TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2017/HNGĐ-ST
Ngày 06/09/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1991. Có mặt.

Trú tại: Thôn G, xã H, huyện V, tp. Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Ông Lê Kim T, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Kim T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, tp. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà dọn về nhà mẹ tại thôn G, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, chồng bà không lo làm ăn, bản thân bà nhiều lần khuyên năng nhưng ông Tuấn vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Kim T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Lê Anh D, sinh ngày: 08/07/2010. Ly hôn, bà L yêu cầu được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng: Không yêu cầu

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Lê Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với thời gian và điều kiện kết hôn như bà y đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi, ông có chơi game, thừa nhận có đánh bà L nên bà L về nhà mẹ sinh sống từ năm 2013. Nay bà L xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ.

- Về quan hệ con chung: Ông xác nhận có 01 con chung tên Lê Anh D, sinh ngày: 08/07/2010. Ly hôn, ông yêu cầu được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng: Không yêu cầu

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định Điều 70 và Điều 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà L được ly hôn với ông Lê Kim T.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Lê Anh D, sinh ngày: 08/07/2010, đề nghị Hội đồng xét xử giao con Lê Anh D cho bà L trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Kim T đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2]. Về Nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị L và ông Lê Kim T kết hôn với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, tp. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Trần Thị L khai rằng, bà không còn tình cảm, thương yêu gì ông Lê Kim T. Từ năm 2013 đến nay, bà và ông không sống chung với nhau, không ai có trách nhiệm với ai, mình bà nuôi con sống tại nhà mẹ ruột. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, ông T không lo làm ăn, chơi bời, bản thân bà nhiều lần khuyên năng nhưng ông T vẫn không thay đổi. Đối với ông T thừa nhận có chơi bời, có đánh bà L nên bà L dọn về nhà mẹ ruột ở, tuy nhiên ông không muốn ly hôn vì con còn nhỏ.

Thực tế và qua xác minh tại địa phương cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T có mâu thuẫn, bà và ông T không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Đối với ông T, có ý kiến không muốn ly hôn nhưng ông không có thiện chí, không có động thái nào để thể hiện muốn hàn gắn gia đình cũng như trách nhiệm với vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đương sự là trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn với ông T là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung Lê Anh D, sinh ngày 08/07/2010. Ly hôn, cả bà L và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét, cháu D từ khi ông T và bà L không sống chung từ năm 2013 thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, bà L hiện là nhân viên công ty điện tử Foster, có mức lương ổn định; trong khi đó ông T không chứng minh được thu nhập hàng tháng của mình, còn cháu D cũng có yêu cầu được ở với mẹ để có điều kiện tốt cho việc học hành. Từ những phân tích trên, nên giao cháu D cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xét.

* Về tài sản chung: Bà L và ông T xác nhận không có

* Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có

*Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc "Yêu cầu ly hôn và nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Kim T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Anh D, sinh ngày 08/07/2010 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại biên lai thu số 4719 ngày 10.4.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Kim T có quyền kháng cáo với thời hạn trên kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Thọ Tây
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Võ Thị Ngọc Dung